

## LIÊN THÔNG QUỐC TẾ VỀ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỢP TÁC VÀ CẠNH TRANH TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM GIA NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

• Nguyễn Văn Thắng<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Trong xu thế mở cửa, hội nhập quốc tế, giáo dục đại học Việt Nam ngày càng có nhiều hình thức mở rộng quan hệ liên kết, hợp tác quốc tế về đào tạo; theo đó các trường đại học Việt Nam có nhiều cơ hội phát triển, đồng thời đối mặt với những thách thức, khó khăn. Bài viết phân tích thực trạng và định hướng liên thông quốc tế về đào tạo ở các trường đại học Việt Nam hiện nay.*

*Từ khóa: Liên thông quốc tế, hợp tác quốc tế về đào tạo, trường đại học Việt Nam.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong xu thế mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, giáo dục bậc đại học ở Việt Nam đã và đang đẩy mạnh hợp tác, liên kết đào tạo với các nước trong khu vực và thế giới. Sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (World Trade Organization - WTO), Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - TPP) và đặc biệt là Cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC), quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo giữa các trường đại học của Việt Nam với các trường đại học ở nước ngoài ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, ngày càng nhiều những trường đại học có yếu tố nước ngoài ra đời. Theo lộ trình, Việt Nam cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận và tham gia thị trường giáo dục trên các lĩnh vực như: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật - công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế - quản trị kinh doanh, tài chính - kế toán - ngân hàng, ngôn ngữ, luật quốc tế... Họ được phép mở cơ sở giáo dục đào tạo, với 100% vốn vào Việt Nam hoặc liên kết với cơ sở giáo dục của Việt Nam để thực hiện quá trình đào tạo.

Việc thực hiện các cam kết mở cửa, hợp tác sẽ là động lực tích cực làm thay đổi diện mạo các trường đại học Việt Nam. Tuy nhiên, trong hoạt động đào tạo, trường đại học ở Việt Nam đối mặt những thách thức, khó khăn nếu không nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý, mô hình trường học,

nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên phù hợp với thời đại thì rất khó đứng vững trước sự cạnh tranh gay gắt. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá kết quả hợp tác quốc tế trong đào tạo giữa các trường đại học của Việt Nam với nước ngoài trong thời gian qua, từ đó đề xuất định hướng liên thông quốc tế về đào tạo ở các trường đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu hợp tác và cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế nói chung, Cộng đồng AEC nói riêng hiện nay là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

### 2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

#### 2.1. Thực trạng hợp tác, liên thông quốc tế về đào tạo ở các trường đại học Việt Nam

Với việc tham gia ngày càng sâu hơn vào các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, các trường đại học Việt Nam cần nhận thức rõ giáo dục đào tạo ngày nay trở thành dịch vụ và các hoạt động tuân theo quy luật: dịch vụ giáo dục phải thích nghi với thị trường, đáp ứng nhu cầu thị trường, cạnh tranh giữa các trường trong nước, giữa trong nước với nước ngoài sẽ gay gắt hơn. Thực tế này, đòi hỏi trường đại học Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác, liên thông quốc tế đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao của thị trường lao động trong và ngoài nước.

##### 2.1.1. Các hình thức hợp tác, liên thông quốc tế về đào tạo

Hiện nay, hình thức hợp tác, liên thông quốc tế về đào tạo đại học ở Việt Nam chủ yếu có các loại hình sau đây:

*Thứ nhất, trường học của Việt Nam liên kết*

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

với trường học nước ngoài. Loại hình này thường được các trường ở nước ngoài mời các trường ở Việt Nam có bề dày truyền thống, có đội ngũ mạnh và tiềm lực tài chính vững vàng để liên kết, liên thông đào tạo. Mặt khác, nhiều trường ở Việt Nam có vị trí thuận lợi, năng lực vượt trội chủ động mời các trường ở nước ngoài cùng tham gia liên kết, liên thông đào tạo với nhiều cơ chế khác nhau. Trong quá trình hợp tác, liên kết, liên thông đào tạo, hoạt động dạy và học đảm bảo yêu cầu về mục tiêu, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, một số ngành có điều kiện thuận lợi thì thi điểm dạy và học theo phương thức “nửa Tây nửa Việt”. Hiện nay, việc hợp tác, liên thông quốc tế về đào tạo được các trường đại học ở Việt Nam áp dụng nhiều là cơ chế 2 + 2 hoặc 2,5 + 2,5 (hoặc 2 + 3). Tức là, chương trình đào tạo 4 năm thì 2 năm học ở Việt Nam, 2 năm học ở nước ngoài; nếu chương trình đào tạo 5 năm thì 2,5 năm (hoặc 2 năm) học ở Việt Nam, 2,5 năm (hoặc 3 năm) học ở nước ngoài, các trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam cấp bằng. Cơ chế hợp tác này ngày càng phổ biến vì nó phù hợp với điều kiện tài chính của người học nhưng vẫn nâng cao được chất lượng giáo dục và uy tín của bằng cấp mà họ nhận được. Ví dụ như Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế đã thực hiện hình thức hợp tác này nhiều năm qua khá hiệu quả. Hiện nay, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế có 3 ngành liên kết đào tạo quốc tế: *Một là*, đào tạo chương trình kỹ sư liên kết với Trung tâm INSA de Loire và INSA Toulouse - Cộng hòa Pháp, đào tạo 2 năm tại Việt Nam, 3 năm tại Pháp, Trung tâm INSA de Loire và INSA Toulouse - Cộng hòa Pháp cấp bằng; *Hai là*, đào tạo ngành Vật lý theo chương trình tiên tiến của Trường Đại học Virginia Hoa Kỳ, giảng dạy bằng tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế cấp bằng; *Ba là*, đào tạo ngành Công nghệ thông tin theo chương trình 2+2 của Trường Đại học Winona State Hoa Kỳ, đào tạo 2 năm tại Việt Nam, 2 năm tại Hoa Kỳ, Trường Đại học Winona State cấp bằng.

*Thứ hai, trường học quốc tế của người Việt Nam.* Loại hình này do Việt Nam thành lập và tổ

chức quản lý, điều hành hoạt động. Chương trình học không hoàn toàn theo chương trình quốc tế mà vẫn phải dựa trên khung chương trình chuẩn của Việt Nam (các môn lý luận chính trị). Một số bộ môn có số tín chỉ tương ứng được dạy và học theo chương trình của nước ngoài và có thể được công nhận ở một số trường đại học nước ngoài. Việc giảng dạy và học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ các môn Lý luận chính trị). Đội ngũ giảng viên giảng dạy chủ yếu là người Việt Nam, một số ít là người nước ngoài. Loại hình liên kết này ở Việt Nam thực hiện tương đối thành công là nhờ vào việc mời được các chuyên gia, giảng viên nước ngoài đến Việt Nam trực tiếp giảng dạy và trao đổi chuyên môn khoa học. Các trường có bề dày truyền thống và có tiềm lực kinh tế thuộc tốp đầu như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc các đại học vùng như Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng... luôn có lợi thế và thực hiện tốt vấn đề này. Ngoài ra, nhiều trường còn khai thác được đội ngũ trí thức, giảng viên, các nhà khoa học trên thế giới là người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài về Việt Nam tham gia giảng dạy và chuyển giao khoa học công nghệ. Một số trường cao đẳng, đại học địa phương cũng mạnh dạn liên kết hợp tác quốc tế và coi trọng việc mời chuyên gia nước ngoài vào giảng dạy để nâng cao vị thế của mình nhằm thu hút người học.

*Thứ ba, trường học quốc tế của người nước ngoài hoạt động ở Việt Nam.* Loại hình trường học này có vốn đầu tư nước ngoài do người nước ngoài đứng ra thành lập và điều hành hoạt động theo quyết định cấp phép của Chính phủ Việt Nam. Loại trường học này thường tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... Chương trình học theo chương trình quốc tế khác với chương trình học của hệ thống giáo dục Việt Nam. Việc giảng dạy và học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh và giáo trình theo tiêu chuẩn quốc tế. Đội ngũ giáo viên là người nước ngoài và một số giáo viên Việt Nam được học tập, đào tạo ở nước ngoài về và qua tuyển chọn kỹ càng. Đối tượng người học là học sinh quốc tế hoặc học

sinh Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định của trường. Tiêu biểu cho loại hình này là trường Đại học Fulbright Việt Nam (FUV) ra đời vào năm 2015 trên cơ sở Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright ở Việt Nam thời gian qua. FUV là đại học tư thực phi lợi nhuận đầu tiên ở Việt Nam, cơ sở giáo dục có 100% vốn đầu tư nước ngoài, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng do Quỹ Sáng kiến Đại học Việt Nam (TUIV) đầu tư. Từ tháng 9 năm 2016, FUV đầu tuyển sinh đào tạo bậc thạc sĩ các chuyên ngành chính sách công, quản lý và kỹ thuật, sau đó mở rộng đào tạo bậc đại học và tiến sĩ. Các chương trình đào tạo khác của trường được phát triển với sự hợp tác với một số trường đại học ở Mỹ. Đồng thời, FUV sẽ tiếp nhận chương trình thạc sĩ chính sách công (MPP) cùng hoạt động nghiên cứu hiện nay của Trường Fulbright Mỹ.

Thành tựu đổi mới đã đem lại cho nền kinh tế Việt Nam phát triển, theo đó nhiều gia đình Việt Nam có điều kiện cho con theo học trường quốc tế, nhận bằng cấp quốc tế. Ngoài xu hướng du học nước ngoài thì hiện tượng “du học tại chỗ” (học trường quốc tế tại Việt Nam) cũng ngày càng phổ biến. Phụ huynh, người học có nhu cầu lựa chọn vào học tại các trường đại học quốc tế ở Việt Nam hoặc các trường ở Việt Nam có yếu tố nước ngoài. Điều này cũng sẽ là thách thức lớn cho các trường cao đẳng, đại học Việt Nam nếu không nhanh chóng đổi mới mô hình trường học, phương thức quản lý, đào tạo thì nguy cơ “thua ngay trên sân nhà” sẽ không tránh khỏi. Cho nên, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại cho nhà trường, đảm bảo khẳng định chất lượng giáo dục đáp ứng nhu cầu thị trường luôn được các trường quan tâm.

### *2.1.2. Hợp tác quốc tế trong đào tạo*

Lượng sinh viên đi học nước ngoài theo cơ chế hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với nước ngoài hoặc liên kết giữa các trường cao đẳng, đại học Việt Nam với các trường nước ngoài ngày càng tăng về số lượng và đa dạng về địa bàn, lĩnh vực, ngành nghề đào tạo. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam có hơn 100.000 du học

sinh theo học 49 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó khoảng 90% đi học bằng kinh phí tự túc [6]. Số liệu này cho thấy, sinh viên đi học nước ngoài từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do các trường liên kết với nước ngoài gửi đi học còn quá thấp, cho thấy hợp tác quốc tế trong đào tạo chưa đạt hiệu quả. Ngược lại, sinh viên du học tự túc ngày càng nhiều đặt ra bài toán đối với các trường cao đẳng, đại học Việt Nam cần có giải pháp khắc phục hiện tượng tài lực quốc gia chảy ra ngoài nước.

Cùng với tăng trưởng kinh tế, giáo dục đại học Việt Nam đang ngày càng phát triển cả về chất và lượng, Việt Nam đang là sự lựa chọn của rất nhiều sinh viên quốc tế khi muốn tìm một quốc gia để du học. Ban đầu, số lượng sinh viên quốc tế tới Việt Nam du học còn rất hạn chế và tập trung chủ yếu là sinh viên của các “nước láng giềng” như Lào, Campuchia, Trung Quốc... Trong khoảng một vài năm trở lại đây, số lượng sinh viên quốc tế mà đặc biệt là sinh viên tới từ các nước phát triển như Canada, Hàn Quốc, Úc, Pháp... theo học tại các trường đại học của Việt Nam đang không ngừng tăng nhanh. Theo thông tin từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến nay đã có hơn 1.100 sinh viên nước ngoài đến Việt Nam học tập. Một trong những lý do quan trọng mà các sinh viên nước ngoài đến Việt Nam ngày càng nhiều là do nhiều trường đại học ở Việt Nam đã triển khai các chương trình đào tạo tiên tiến giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh giúp cho sinh viên quốc tế thuận lợi hơn trong quá trình theo học [2]. Sinh viên quốc tế sang Việt Nam chủ yếu theo học các chương trình liên thông, liên kết đào tạo giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học quốc tế. Để đảm bảo điều kiện liên kết, các trường đại học Việt Nam buộc phải đạt đủ tiêu chuẩn mà đối tác đề ra về cơ sở vật chất, giáo trình đào tạo, trình độ giảng viên... Song song với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, giảng viên các chương trình liên kết chủ yếu là giảng viên nước ngoài có trình độ cao hoặc là giảng viên Việt Nam có bằng cấp nước ngoài. Bên cạnh đó, một trong những lý do chủ yếu để các sinh viên quốc tế theo học tại Việt Nam chính là chi phí học tập, sinh hoạt tiết kiệm

hơn rất nhiều so với việc sống và học tập tại các quốc gia khác. Đánh giá một cách khách quan, hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo giữa các trường cao đẳng, đại học Việt Nam với nước ngoài chưa cao, số lượng sinh viên Việt Nam ra nước ngoài học tập thông qua sự liên kết, hợp tác quốc tế của các trường còn nhỏ bé. Hợp tác quốc tế của các trường cao đẳng, đại học chưa thực sự là cầu nối đưa sinh viên Việt Nam ra học tập nước ngoài.

## **2.2. Định hướng liên thông quốc tế về đào tạo ở các trường đại học Việt Nam hiện nay**

### *2.2.1. Sự cần thiết liên thông quốc tế trong đào tạo đại học ở Việt Nam*

Với việc tham gia ngày càng sâu hơn, chặt chẽ hơn vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, đặc biệt là Cộng đồng AEC sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các trường đại học ở Việt Nam trong quá trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho thị trường trong nước và khu vực ASEAN. Có thể thấy, khi gia nhập AEC và quốc tế, sinh viên Việt Nam khi ra trường có nhiều cơ hội để tham gia vào thị trường lao động lớn hơn, tính cạnh tranh cao hơn và cơ hội để có việc làm với mức thu nhập cao hơn ở trong nước cũng sẽ nhiều hơn. Sinh viên tốt nghiệp các ngành nghề như: Dịch vụ kỹ thuật, Kiến trúc, Điện tử máy móc công nghiệp, Công nghệ thông tin, Y khoa, Nông lâm thủy sản, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Công nghệ xây dựng, Văn hóa, Du lịch, Ngôn ngữ... nhất là thông thạo tiếng Anh sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để tự do di chuyển lao động, tìm kiếm việc làm trong cộng đồng AEC. Để có thể thực hiện được điều đó, sinh viên Việt Nam cần phải được đào tạo bài bản, chính quy ngay trong quá trình học tập ở các trường đại học. Ngoài việc được đào tạo chuyên môn, các trường đại học Việt Nam cần quan tâm đến bồi dưỡng phẩm chất, rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm với cộng đồng xã hội và nhân loại.

### *2.2.2. Định hướng liên thông quốc tế về đào tạo ở các trường đại học Việt Nam hiện nay*

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, giáo dục đại học ở Việt Nam cần coi trọng liên thông quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực. Hoạt

động giáo dục đào tạo đại học là một thị trường với sự cạnh tranh quyết liệt giữa các trường trong nước, giữa các trường trong nước và nước ngoài đòi hỏi giáo dục đào tạo đại học phải đổi mới về mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp thực tiễn đặt ra. Giáo dục đào tạo đại học phải bám sát nhu cầu của thị trường, của người học. Bản thân các trường đại học cần phải xác định, nhà trường không “dạy cái mình có sẵn” mà “dạy cái người học và xã hội cần”. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo, theo chúng tôi các trường đại học Việt Nam cần nhận thức sâu sắc các định hướng cơ bản sau đây:

*Thứ nhất, đào tạo đại học gắn với hội nhập AEC.* Việt Nam gia nhập AEC vào cuối năm 2015 mở ra cơ hội hợp tác, liên kết đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam với khu vực. Cộng đồng AEC có 10 nước thành viên, với hơn 620 triệu người, lực lượng lao động hơn 300 triệu người, GDP bình quân hàng năm khoảng 2.000 tỷ USD được dự đoán là cộng đồng kinh tế năng động, có ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới. Gia nhập cộng đồng AEC, thực hiện các cam kết về lao động, nguồn nhân lực chất lượng cao (có trình độ đại học trở lên) thông thạo ngoại ngữ (tiếng Anh) sẽ được tự do di chuyển trong khu vực. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB) thời điểm Việt Nam tham gia cộng đồng AEC, tính theo thang điểm 10 thì Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm (Thái Lan 4,94; Malaysia 5,59). Năng suất lao động của Việt Nam bằng 2/5 Thái Lan, 1/5 Malaysia và 1/15 Singapore [7, 130]. Để nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo, sinh viên khi ra trường có thể tham gia vào thị trường lao động của AEC, các trường đại học của Việt Nam cần tích cực, chủ động hợp tác, liên kết về đào tạo với các trường đại học trong khu vực ASEAN.

*Thứ hai, chú trọng tính hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo.* Mở cửa, hội nhập về giáo dục đào tạo ở tất cả các ngành học, cấp học của Việt Nam là một xu thế tất yếu. Việc liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo mở ra cơ hội để giáo dục Việt Nam

học hỏi kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến, đẩy mạnh công cuộc đổi mới giáo dục toàn diện hướng giáo dục đào tạo Việt Nam tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, việc mở rộng liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo, nhất là giáo dục đại học Việt Nam sẽ gặp phải những thách thức, khó khăn, thậm chí cạnh tranh gay gắt. Do đó, hiệu quả trong hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo phải được quan tâm hàng đầu. Mỗi trường đại học cần xây dựng cho mình chiến lược hợp tác quốc tế linh hoạt, hợp lý. Nắm vững các cam kết quốc tế về giáo dục mà Việt Nam tham gia, tham khảo kinh nghiệm các nước có trình độ giáo dục tiên tiến, căn cứ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước để xác định nội dung, hình thức hợp tác quốc tế. Cần phải làm rõ ngành nào cần tích cực chủ động hợp tác quốc tế, ngành nào cần phải có lộ trình và tính toán từng bước... Nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động và của người học để định hướng giúp cho người học khi ra trường nhanh chóng có việc làm. Đây chính là hiệu quả của hợp tác quốc tế góp phần nâng cao vị thế, uy tín của nhà trường đối với xã hội.

*Thứ ba, thông qua hợp tác quốc tế kiến tạo môi trường giáo dục tích cực.* Hợp tác quốc tế trong đào tạo cho ra sản phẩm hoặc dịch vụ giáo dục có năng lực đặc biệt, phong cách, phương pháp độc đáo sẽ thu hút được người học. Ngành học này, môn học này có thể bình thường đối với quốc gia này nhưng nó mang lại giá trị và phù hợp với quốc gia khác. Đối với các lĩnh vực đào tạo như y khoa, kinh tế, kỹ thuật, ngôn ngữ, các trường đại học của Việt Nam cần liên kết đưa sinh viên đi thực tập ở nước ngoài, trước hết là địa bàn cộng đồng AEC. Việc đưa sinh viên Việt Nam ra nước ngoài thực tập sẽ tạo môi trường giáo dục đào tạo tích cực, hấp dẫn người học. Đồng thời môi trường thực tập, làm việc ở nước ngoài sẽ tạo ra áp lực lớn thúc đẩy tính tự giác trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, giúp sinh viên Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn.

*Thứ tư, đảm bảo nguyên tắc chất lượng đào tạo, chủ động và ưu tiên hợp tác các trường đại học trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.* Trong hợp

tác quốc tế không nên chú trọng đến số lượng mà nên quan tâm đến chất lượng, phải xác định mục tiêu, đối tượng cụ thể. Hợp tác đào tạo ngành nào, trường nước ngoài nào... cần phải tính toán làm sao cho có lợi nhất. Trước hết, cần ưu tiên hợp tác đào tạo với các trường đại học trong tổ chức AEC. Cộng đồng AEC đã có thỏa thuận công nhận kỹ năng lẫn nhau trong các lĩnh vực ngành nghề: dịch vụ kỹ thuật, làm bánh kẹo; kiến trúc; điện tử, máy móc công nghiệp; y khoa, nha khoa, điều dưỡng; thủy sản; kế toán; du lịch; công nghệ xây dựng. Các trường đại học của Việt Nam cần tích cực, chủ động liên kết với các trường đại học trong cộng đồng AEC thực hiện công nhận tín chỉ của nhau. Chương trình đào tạo bậc đại học thường được thiết kế từ 120 đến 140 tín chỉ, thời gian học tập từ 3 đến 4 năm, những trường đại học thuộc khối ngành kinh tế, kỹ thuật, y khoa của Việt Nam có thể ký kết thỏa thuận công nhận 20 - 30 tín chỉ của nhau với các trường đại học trong khu vực ASEAN. Việc công nhận tín chỉ của nhau sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên Việt Nam vào học tại các trường đại học có chất lượng, uy tín của ASEAN. Đồng thời sinh viên có thể học vượt rút ngắn được thời gian học tập của chương trình đại học và giảm được chi phí học tập ở nước ngoài.

### 3. Kết luận

Đổi mới giáo dục gắn liền với xu thế mở cửa, hội nhập, hợp tác quốc tế trong đào tạo là hiện tượng khá phổ biến trên thế giới. Ở nước ta, giáo dục đại học có yếu tố nước ngoài đang gia tăng. Đây là cơ hội tốt mở ra cho nhiều trường cao đẳng, đại học Việt Nam tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới thông qua các cơ chế, hình thức hợp tác đào tạo. Tuy nhiên, việc mở rộng quan hệ, liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo cũng sẽ là thách thức không nhỏ khi phải cạnh tranh với các loại hình trường học dày dặn kinh nghiệm đào tạo đã và đang tích cực hoạt động ở Việt Nam. Hợp tác quốc tế trong đào tạo để làm gì? Làm thế nào để hợp tác quốc tế trong đào tạo có hiệu quả là những vấn đề đặt ra cho các trường cao đẳng, đại học Việt Nam hiện nay, từ đó việc nghiên cứu làm rõ và xây dựng cho mình chiến lược hợp tác phù hợp, hiệu quả có ý nghĩa lý luận và thực tiễn./.

**Tài liệu tham khảo**

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [2]. Ngọc Hà (25/10/2015), “Hơn 1.100 sinh viên nước ngoài đến Việt Nam học tập ở nhiều trường đại học với nhiều ngành nghề khác nhau”, <http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20151025/hon-1100-sinh-vien-nuoc-ngoai-den-vn-hoc-tap/99>.
- [3]. Nguyễn Hùng (09/05/2016), “Tăng cường đưa giáo viên nước ngoài vào giảng dạy tiếng Anh”, <http://newsky.edu.vn/giang-day-tieng-anh>.
- [4]. Trần Kiểm (2008), “Đổi mới quản lý giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Kỷ yếu Hội thảo Nguồn nhân lực quản lý giáo dục thế kỷ XXI*, Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Kênh tuyển sinh (2012), “Việt Nam có hơn 100.000 du học sinh qua các nước”, <http://kenhtuyensinh.vn/viet-nam-co-hon-100000-du-hoc-sinh-qua-cac-nuoc>.
- [6]. La Kim Liên (2008), “Quản lý trường học quốc tế và trường học có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam: Những thách thức mới trong thời kỳ hội nhập”, *Kỷ yếu Hội thảo Nguồn nhân lực quản lý giáo dục thế kỷ XXI*, Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Lê Văn Luận (2016), “Đào tạo gắn với hội nhập AEC”, *Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc gia “Đổi mới công tác đào tạo ở các trường cao đẳng, đại học trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế - Trường Cao đẳng Sư phạm.

**INTERNATIONAL LINK ON HIGHER EDUCATION MEETING  
THE DEMANDS FOR COOPERATION AND COMPETITIVENESS IN THE CONTEXT  
OF VIETNAM INTO ASEAN ECONOMIC COMMUNITY (AEC)**

**Summary**

In the open, international integration trend, Vietnam's higher education is in more and more forms of expanding international cooperation in training. Thereby, Vietnam universities have many opportunities for development, but also face challenges. This paper analyzes the current status and orientation of international cooperation in training for Vietnam universities.

Keywords: International links, international cooperation in training, Vietnam universities.

Ngày nhận bài: 6/11/2017; Ngày nhận lại: 28/3/2018; Ngày duyệt đăng: 10/4/2018.

## HỌC TẬP PHONG CÁCH LÀM VIỆC HỒ CHÍ MINH

• Hồ Thị Trinh<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Phong cách làm việc của Hồ Chí Minh được hình thành từ rất sớm. Ngay từ thuở niên thiếu, Người đã sớm chịu ảnh hưởng nền giáo dục Nho học, điều đó đã định hình một phong cách làm việc nề nếp, ngăn nắp, cẩn mẫn... Trong những năm tháng bôn ba ở nước ngoài, lăn lộn với cuộc sống của một người lao động, hòa mình trong phong trào công nhân và đặc biệt, khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ thống phong cách làm việc của Người được định hình rõ nét: phong cách tư duy, gần gũi quần chúng, phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ, làm việc khoa học... Nghiên cứu và học tập phong cách Hồ Chí Minh sẽ giúp chúng ta làm việc ngày càng khoa học và hiệu quả hơn.*

*Từ khóa: Phong cách làm việc, Hồ Chí Minh, học tập.*

### 1. Đặt vấn đề

Đại hội XII của Đảng khẳng định: đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là công việc thường xuyên của các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị. Lần đầu tiên “phong cách Hồ Chí Minh” được nhấn mạnh chính thức trong văn kiện Đại hội Đảng.

Ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Chỉ thị 05, về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với phạm vi rộng hơn, yêu cầu cao hơn, trọng tâm là học và làm theo phong cách của Người. Phong cách Hồ Chí Minh là một chỉnh thể thống nhất bao gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt. Bài viết này, tác giả chỉ đề cập phong cách làm việc của Hồ Chí Minh.

### 2. Nội dung phong cách làm việc Hồ Chí Minh

#### 2.1. Phong cách quần chúng

Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ phải liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và quan tâm đến đời sống của nhân dân vì “Để mười lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Người đã nhiều lần phê phán tệ xa rời quần chúng, lên mặt “quan cách mạng”, “quan nhân dân” không thấy mình là đầy tớ, người học trò của nhân dân. Người kịch liệt phê phán những cán bộ xa rời quần chúng, “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái

ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ” [4, tr. 292]. Nhân dân chỉ quý trọng, nể phục cán bộ có đức, có tài, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gần gũi với nhân dân, Người nói: không phải cứ viết lên trán hai chữ cộng sản thì mọi người tin yêu. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, mặc dù bận trăm công ngàn việc nhưng Người đến với mọi người một cách rất tự nhiên và bình dị.

Hồ Chí Minh đã tiếp hàng ngàn lượt khách trong Phủ Chủ tịch, không phải chỉ ở trong phòng khách long trọng, mà còn ở ngoài giàn hoa, bên bờ ao cá, trên đường xoài, hoặc trên sàn gỗ của ngôi nhà sàn đón gió bốn phương. Đón các cháu thiếu niên nhi đồng, Người cũng nói với các đồng chí phục vụ: ở nhà, các cháu là con là cháu của các chú, nhưng vào đây các cháu là khách của Người. Tác phong của Người gần gũi, tự nhiên như có sức hút lạ kỳ làm cho quần chúng đến với Người không chút e ngại, cũng bình dị tự nhiên như họ sống hàng ngày. Tác phong ấy làm cho lãnh tụ và quần chúng hòa nhập với nhau trong sự đồng cảm sâu sắc nhất. Từ đó, mọi người có thể nói hết suy nghĩ trăn trở của mình, còn Người thì lắng nghe để có thể hiểu hết được cuộc sống xung quanh.

Tác phong quần chúng của Người còn thể hiện ở chỗ Người luôn quan tâm đến mọi việc ở Trung ương và địa phương. Đặc biệt, Người rất chú ý đến những gương người tốt, việc tốt để kịp thời động viên, khen thưởng, qua đó giáo dục mọi người. Người đã mời một số cán bộ đến bàn cách làm và xuất bản loại sách người tốt, việc tốt. Tầm quan trọng của loại sách này đã được Người chỉ rõ: “Những chiến công và thành tích nổi bật, vang

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Hoa Sen.

đội thì ai cũng có thể thấy được. Còn những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi dân thì hay bị xem thường...” [2, tr. 191]. Theo Người, biển cả phải từ bao nhiêu giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng thì mới thành suối, thành sông rồi thành biển. Thấy biển lớn phải tìm về những giọt nước nhỏ. Thấy thắng lợi vĩ đại, phải trở về với những con người bình thường, với quần chúng nhân dân.

## 2.2. Phong cách làm việc tập thể và dân chủ

Trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ của V.I Lenin, trong quá trình làm việc, Người đã hình thành một phong cách làm việc rất tập thể và dân chủ: gắn bó với tập thể, tôn trọng tập thể, đoàn kết phát huy sức mạnh của tập thể. Người vẫn thường nói: không một người nào có thể hiểu hết mọi thứ, làm được mọi việc. Người luôn trân trọng ý kiến của mọi người, không phân biệt chức vụ, cấp bậc, đảng cấp, với những bài viết trước khi công bố Người thường chuyển cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đọc và góp ý; thậm chí Người còn trao đổi với các đồng chí phục vụ những bài báo ngắn để sửa chữa những chỗ viết còn khó hiểu trước khi đăng. Khi bàn về cách làm và xuất bản loại sách Người tốt, việc tốt với một số cán bộ, Người nói: “Người muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Người thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được. Không nên: Người nói gì, các chú cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa” [2, tr. 191]. Tác phong tập thể - dân chủ của Người luôn luôn tạo ra được không khí làm việc hoạt bát, phấn khởi, hăng hái và đầy sáng tạo. Nhiều lần Người đã phê bình cách lãnh đạo của một số cán bộ không dân chủ, do đó mà người có ý kiến không dám nói, người muốn phê bình không dám phê bình, làm cho cấp trên, cấp dưới cách biệt nhau, quần chúng với Đảng xa rời nhau, không còn hăng hái, không còn sáng kiến trong khi làm việc. Người lãnh đạo muốn biết rõ ưu điểm, khuyết điểm của mình, muốn biết công tác của mình tốt hay xấu không gì bằng khuyến khích cán bộ của mình mạnh bạo đề ra ý kiến và phê bình. Như thế chẳng những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng.

Trong công tác lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Người đã sử dụng nhiều cơ quan, nhiều tổ chức chuẩn bị những việc cần thiết. Trước khi quyết định, Người đều hỏi lại cẩn thận, chu đáo những người đã giúp mình. Đối với cán bộ, đảng viên, Người đòi hỏi phải có tác phong tập thể và dân chủ một cách thực sự chứ không phải giả tạo, hình thức để che lấp ý đồ xấu xa của cá nhân. Bởi vì, mọi sự giả tạo đều làm suy yếu, thậm chí phá vỡ tập thể, làm xói mòn, thậm chí triệt tiêu dân chủ.

## 2.3. Phong cách làm việc khoa học

Nước ta dưới thời thực dân, phong kiến có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, kém phát triển, tư duy tiểu nông đề nặng lên cách nghĩ, cách làm việc của người dân. Hồ Chí Minh tuy sinh ra trong một hoàn cảnh như vậy nhưng sớm tự xây dựng cho mình một phong cách làm việc khoa học. Sau này, cuộc sống lao động làm thuê ở những nước công nghiệp phương Tây đã tạo cho Người một thói quen làm việc biết quý trọng thời gian và phải sắp xếp các công việc hàng ngày có kế hoạch. Khi đã trở thành một nhà hoạt động cách mạng, Người lại định hình một tác phong khoa học trong công tác, trong lãnh đạo trên mọi cương vị mà Người đã đảm nhiệm.

Tính khoa học trong công việc là quý trọng thời gian, giờ nào việc ấy; làm việc phải có mục đích rõ ràng, tập trung; chương trình, kế hoạch đặt ra phải phù hợp. Hồ Chí Minh giải thích: “Đích nghĩa là nhằm vào đó mà bắn. Nhiều đích quá thì loạn mắt, không bắn trúng đích nào” [3, tr. 374]. Người phê phán những cán bộ vạch ra chương trình công tác thì quá rộng rãi quá to tát nhưng lại không thiết thực, không hiệu quả. Người chỉ rõ, để vạch kế hoạch một cách thực sự khoa học, người cán bộ phải “xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt công việc cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên luộm thuộm, không có kế hoạch, gặp việc nào, làm việc ấy, thành thử việc nào cũng là việc chính, lộn xộn, không có ngăn nắp” [3, tr. 292]. Một việc chính có thể có nhiều cách thực hiện. Với ý nghĩa đó, Người yêu cầu cán bộ: chủ trương một, biện pháp mười, quyết tâm phải hai, ba mươi. Nói quyết tâm phải hai, ba mươi, tức là Người yêu cầu cán bộ sau khi đã có kế hoạch công tác phải có quyết tâm thực hiện và phải thực hiện đến nơi đến chốn, không được đánh trống bỏ dùi. Người đã nhiều lần phê bình bệnh hữu danh vô thực ở không ít cán bộ:



“Làm việc không thiết thực... Làm cho có chuyện, làm lấy rồi. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại thì rỗng tuếch... Thế là đối trá với Đảng, có tội với Đảng. Làm việc không thiết thực, báo cáo không thật thà, cũng là một bệnh rất nguy hiểm” [3, tr. 256-257].

Hồ Chí Minh khuyên cán bộ, trong bất kỳ công việc gì cũng phải hiểu năng lực của cấp dưới mà bố trí, sử dụng người cho đúng, “chớ “dùng thợ mộc làm nghề thợ rèn”” [3, tr. 520]. Khi giao công việc cho cấp dưới phải rõ ràng đầy đủ, phải dự báo được những tình huống có thể xảy ra cho cấp dưới và phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của cấp dưới. Lenin cũng từng chỉ ra rằng, lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như là không có lãnh đạo. Hồ Chí Minh cũng hơn một lần phê bình tình trạng “cán bộ lãnh đạo chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị, sau đó, thì họ không biết gì đến những nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những sự khó khăn trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to. Vì thế mà “đầy túi quần thông cáo, đầy túi áo chỉ thị” mà công việc vẫn không chạy” [3, tr. 520-521].

Phong cách làm việc khoa học còn đòi hỏi người cán bộ, sau mỗi một việc cần phải rút kinh nghiệm, rồi phổ biến những kinh nghiệm cho tất cả cán bộ và dân chúng hiểu. Mỗi cán bộ phải học hỏi những kinh nghiệm hay, tránh những kinh nghiệm dở, áp dụng những kinh nghiệm cũ vào những công việc mới. Hồ Chí Minh phê phán lối làm việc “không biết nghiên cứu đến nơi đến chốn..., để mà học kinh nghiệm, để mà đặt ra khuôn phép cho công việc khác. Thành thử những cái tốt, cái hay đều không phát triển được. Và công việc xong rồi là thôi, cán bộ không học được kinh nghiệm gì, mà cũng không tiến bộ được mấy” [3, tr. 242]. Người khuyên: “công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái chìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới” [3, tr. 243].

Phải thường xuyên chú ý rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề tổng kết thực tiễn để rút kinh nghiệm từng việc, từng chủ trương, thấy rõ hay dở, đúng sai, từ

đó Người kịp thời bổ sung những chủ trương chưa đúng, chưa đủ và quan trọng hơn đó chính là rút ra kết luận mới để bổ sung cho lý luận.

#### 2.4. Phong cách nói đi đôi với làm

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những nét nổi bật trong phong cách làm việc của Người là nói đi đôi với làm. Người là tấm gương sáng về nói đi đôi với làm cho mọi người học tập và làm theo. Người khuyên cán bộ muốn tập hợp, tuyên truyền cấp dưới, tự mình phải “miệng nói tay làm để làm gương cho nhân dân” [5, tr. 136]. Người phê phán những cán bộ “miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ăn trưa, ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ, lung tung, thì tuyên truyền hàng trăm năm cũng vô ích” [3, tr. 108]. Đó là những cán bộ hỏng. Còn với những cán bộ chỉ biết nói suông: “Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được” [3, tr. 287], những người như thế tuy là thật thà, trung thành nhưng không có năng lực. Hồ Chí Minh nói rõ là không thể dùng những người đó vào công việc thực tế.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đánh giá: Mọi lời nói, việc làm của Hồ Chí Minh đều thiết thực và cụ thể. Nói là làm, thường là làm nhiều hơn nói, có khi làm mà không cần nói, tư tưởng hiện ra trong hành động.

Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý, đối với nhân dân không thể lý luận suông, chính trị suông, nhân dân cần trông thấy lợi ích thiết thực từ những tấm gương sáng, những việc làm thiết thực của cán bộ. Đối với tổ chức đảng, Người chỉ rõ: “Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng” [3, tr. 250].

Với cương vị, trọng trách của người đứng đầu Đảng và Nhà nước, phong cách làm việc nói đi đôi với làm của Hồ Chí Minh đã ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao chất lượng lãnh đạo và uy tín của Đảng, đến mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân cũng như việc hoàn thiện nhân cách người cán bộ, đảng viên

và phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. “Nói thì phải làm” là thể hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, tư tưởng và hành động, nhận thức và việc làm.

Tư tưởng của Người về “nói đi đôi với làm” được thể hiện ở 3 điểm, đó là:

*Một là*, nói phải đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không được xuyên tạc, nói sai. Nắm vững đường lối cách mạng để thực hiện cho đúng, để tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân làm theo cho đúng.

*Hai là*, nói đi đôi với làm, không được “nói một đằng làm một nẻo”. Theo Người, lời nói đi đôi với việc làm, nói được làm được, sẽ mang lại những hiệu quả lớn, được nhiều người hưởng ứng và làm theo. Nếu chính mình tham ô mà bảo người khác liêm khiết, mình không làm việc nhưng hô hào người khác làm việc thì không được. Nếu nói rằng phải cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, mà bản thân lại lười biếng, không hoàn thành những công việc được giao, luôn tìm cách tham ô tiền của Nhà nước và nhân dân; sống xa hoa, lãng phí trong khi cuộc sống của đại đa số nhân dân còn nhiều thiếu thốn,... thì những lời nói đó sẽ không có tác dụng giáo dục.

*Ba là*, không được hứa mà không làm. Lời hứa chỉ có giá trị khi đi liền với việc làm cụ thể. Để tránh việc hứa mà không làm, Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên đã nói thì phải làm, nói ít, bắt đầu bằng hành động. Tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước. Cán bộ lãnh đạo làm gương cho nhân viên; cấp trên làm gương cho cấp dưới; cán bộ, đảng viên làm gương cho nhân dân. Đồng thời, cần giao cho một đơn vị hoặc cá nhân thường xuyên kiểm tra, giám sát và nhắc nhở đối với những tổ chức, cá nhân đã đưa ra lời hứa và yêu cầu tập thể và tổ chức đó thực hiện cho đúng.

### **3. Học tập và làm theo phong cách làm việc Hồ Chí Minh**

#### **3.1. Phải thực sự “lấy dân làm gốc”**

Xuất phát từ những kinh nghiệm thực tiễn lịch sử của dân tộc, xuất phát từ những giá trị đúc kết tư tưởng dân là gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cán bộ, đảng viên cần phải thấm nhuần quan điểm lấy

dân làm gốc - bài học kinh nghiệm hàng đầu, là cơ sở để Đảng ta hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cũng nêu rõ “lấy dân làm gốc, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” [1, tr. 69]. Theo logic đó, khi cán bộ, đảng viên biết lấy dân làm gốc thì Đảng ta có thể phát triển bền vững và tỏa sáng khi gắn kết, hòa hợp hữu cơ thành bộ phận hạt nhân, không thể tách rời là nhân dân.

Trong những năm qua, nhiều định hướng về phong cách, văn hóa lãnh đạo của cán bộ ta, nhất là văn hóa gần dân, trọng dân, tin dân, hiểu dân, học dân; không chỉ dừng lại ở những nguyên lý, những chủ trương mà đang từng bước đi vào đời sống thông qua việc Đảng ban hành và thực hiện các quy chế, quy định cụ thể, thiết thực, như thăm dò dư luận, lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành những quyết sách quan trọng; đối thoại, chất vấn trong Đảng; việc nêu gương của cán bộ đứng đầu các ngành, các cấp; cán bộ lãnh đạo đi cơ sở, tiếp xúc, đối thoại với nhân dân... Giảm bớt hội họp, tăng cường bám sát thực tiễn, trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở, những nguyện vọng chính đáng của nhân dân; nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; khiêm tốn, giản dị, hòa đồng, nêu gương trước cấp dưới, trước nhân dân... Chính là những tố chất văn hóa chính trị đang dần định hình trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng; qua đó từng bước nhân rộng, lan tỏa văn hóa Đảng trong nhân dân và xã hội.

Đánh giá về quá trình 87 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đúc kết nhiều bài học to lớn về thành công của cách mạng Việt Nam. Trong đó, bài học sâu sắc, thấm thía nhất là bài học lấy “dân làm gốc”, đây là một quan điểm nền tảng tư tưởng vững chắc của cách mạng Việt Nam. Đảng đã luôn khẳng định sức mạnh của Đảng là sức mạnh của quần chúng nhân dân, được nhân dân tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những chặng đường mới của đất nước về chiến lược phát triển xã hội, mở rộng đối ngoại, giao

lưu kinh tế, văn hóa trong điều kiện toàn cầu hóa hội nhập quốc tế.

Học tập tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Hồ Chí Minh, ngày nay chúng ta cần phải:

*Một là*, luôn gần dân, ở trong dân, học dân, tin dân và phàm làm bất cứ điều gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của người dân. Phải tôn trọng và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phải vì lợi ích của nhân dân mà phục vụ. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thì phải tâm niệm: việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm; việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Đặc biệt, cần phải kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện xâm phạm lợi ích của nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của dân, những thói mệnh lệnh, cửa quyền, ức hiếp nhân dân.

*Thứ hai*, làm tốt công tác dân vận. Cán bộ, đảng viên phải gắn bó với dân; tăng cường đối thoại với nhân dân để nghe dân nói, xem dân làm, thấy được cách sinh hoạt, làm việc, cuộc sống của dân, và quan trọng hơn là đi sâu tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc của họ, biết họ đang nghĩ gì, cần cái gì, muốn cái gì, lo cái gì. Từ đó, đề ra hoặc sửa đổi, bổ sung chủ trương, chính sách cho phù hợp. Mục đích của các hoạt động đó là nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các giai cấp, tầng lớp để tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và phát huy sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

*Thứ ba*, phải nâng cao ý thức cảnh giác của nhân dân đối với những âm mưu phá hoại, những luận điệu xuyên tạc, chống phá mà các thế lực thù địch có thể tuyên truyền trong quần chúng nhân dân hòng hạ thấp uy tín của Đảng, làm cho nhân dân mất lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, kích động nhân dân chống lại chế độ, gây mất ổn định chính trị và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta phải phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả sức mạnh to lớn của lực lượng đông đảo này. Thực tế cho thấy, “Chỉ có phát huy sức mạnh làm chủ của nhân dân mới có thể chống tiêu cực, chống suy thoái, chống tham nhũng có hiệu quả, nhằm củng cố Đảng, làm trong sạch bộ máy Nhà nước, lành mạnh hoá các quan hệ xã hội” [6, tr. 23]. Mỗi cán

bộ, đảng viên phải thực sự là “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”; phải tôn trọng nhân dân, vừa lãnh đạo vừa phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phải sống chan hoà với nhân dân, quan tâm đến đời sống của nhân dân, phải xây dựng cho mình tác phong, thái độ và hành động đúng với vị trí, vai trò của mình, xứng đáng là người mà nhân dân đặt trọn niềm tin cũng như giao phó trách nhiệm. Có như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ góp phần tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực và tiến bộ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từng bước hiện thực hoá mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn và kiên trì thực hiện.

### 3.2. Học tập phong cách làm việc khoa học

Nghiên cứu, tìm hiểu phong cách làm việc của Hồ Chí Minh để học tập, vận dụng vào đổi mới phương pháp, tác phong làm việc của người cán bộ, đảng viên nói chung và người cán bộ đảm nhiệm công tác tổ chức nói riêng trong tình hình mới luôn là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp, tác phong làm việc của người cán bộ, đảng viên biểu hiện trên một số vấn đề chủ yếu sau:

*Một là*, người cán bộ, đảng viên phải rèn luyện cho mình phương pháp, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, hiệu quả. Từ kinh nghiệm hoạt động cách mạng phong phú của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Một trong những phẩm chất quan trọng của người cán bộ cách mạng là phải có phương pháp, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, hiệu quả để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Tại nhiều hội nghị với cán bộ các ngành, các cấp, cả ở Trung ương và địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thẳng thắn phê phán những cán bộ mắc phải “bệnh giáo điều” phô trương kiến thức; Người cũng vạch rõ căn nguyên của “bệnh kinh nghiệm” là do “kém lý luận”, hoặc có thái độ “khinh lý luận”. Người ví von một cách rất hình ảnh: “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ” [3, tr. 234].

Để khắc phục những biểu hiện của phương pháp, tác phong làm việc thiếu tính khoa học, thiếu tính thực tiễn tồn tại ở không ít cán bộ, đảng viên,

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ cần phải có những biện pháp cụ thể, mà Người gọi là “cách lãnh đạo”. Người cán bộ, đảng viên không những vừa phải có đức, có tài, vừa “hồng” vừa “chuyên”, nhưng đồng thời cũng phải có “cách lãnh đạo”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu rất cao đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp trong việc thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện trong mọi điều kiện, hoàn cảnh công tác để không ngừng hoàn thiện phương pháp, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

*Hai là*, người cán bộ, đảng viên phải tích cực rèn luyện phong cách tư duy khoa học.

Từ thực tiễn của cách mạng khi Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào, làm nhiệm vụ gì cũng đều phải tích cực tu dưỡng, rèn luyện nâng cao phong cách tư duy khoa học. Người cán bộ, đảng viên có phong cách tư duy khoa học sẽ luôn phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ và hoàn thành mọi nhiệm vụ được tổ chức phân công. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, việc nâng cao phong cách tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên có nhiều biện pháp, nhưng đều đòi hỏi mỗi người phải không ngừng tự học tập, tự bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, đặc biệt là trình độ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị; phải gắn lý luận với thực tiễn cách mạng để nắm được bản chất khoa học và cách mạng của sự vật, hiện tượng, làm cơ sở cho nhận thức đúng đắn thực tiễn và có biện pháp giải quyết thấu đáo, đạt hiệu quả cao.

*Ba là*, người cán bộ, đảng viên phải luôn nêu cao tính đảng, đề cao ý thức dân chủ, đoàn kết và kỷ luật.

Hiện nay, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố khó lường. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - lý luận nói chung và đấu tranh để bảo vệ định hướng, nội dung quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hội nhập quốc tế đã và đang đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới. Tình hình mới của đất nước đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những người giữ

cương vị lãnh đạo, quản lý phải luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng tốt quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về phương pháp, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, nhằm đem lại hiệu quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Trong xây dựng và phát huy dân chủ cần phải tuyệt đối chấp hành đúng các nguyên tắc của tổ chức, có kỷ cương, kỷ luật. Kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện lợi dụng dân chủ dẫn đến dân chủ vô hạn độ, dân chủ quá trớn, “kéo bè, kéo cánh”, gây mất đoàn kết nội bộ, hoặc sơ hở mất cảnh giác để cho các phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

*Bốn là*, người cán bộ, đảng viên phải thực sự nêu gương trong rèn luyện phương pháp, tác phong làm việc.

Nêu gương là một yêu cầu thiết yếu đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, kinh tế, đoàn thể xã hội. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc nêu gương của cán bộ, đảng viên có tác dụng giáo dục quần chúng rất cao. Người thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên “Tự mình phải chính trước, mới giúp được người khác chính. Mình không chính, mà muốn người khác chính là vô lý” [3, tr. 644]. Từ thực tiễn cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã nêu một tấm gương sáng về sự nhất quán giữa lời nói và việc làm trong tu dưỡng, rèn luyện phương pháp, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, hiệu quả với mục đích cao cả vì nước, vì dân.

Mỗi tổ chức, cơ quan, đoàn thể, đơn vị nói chung và từng cán bộ, đảng viên nói riêng phải thực hiện tốt phương châm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu: “Nói phải đi đôi với làm”; đồng thời, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình. Cán bộ, đảng viên càng giữ vị trí cao, vị trí quan trọng, nhất là người đứng đầu càng phải nêu gương tự phê bình và phê bình về đổi mới phương pháp, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, hiệu quả.

### **3.3. Nói phải đi đôi với làm**

Đối với mỗi người để thực hiện được việc thống nhất giữa lời nói với hành động, lời nói đi đôi với việc làm là điều không dễ, nó đòi hỏi cần phải có sự cố gắng, bền bỉ và một quyết tâm, bởi bất kỳ công việc nào, nhiệm vụ gì, dù lớn hay nhỏ,

khó hay dễ, phức tạp hay giản đơn, nhưng nếu không ra sức phấn đấu thì cũng không thể thành công được. Kết quả công việc là thước đo của mỗi người. Với các cán bộ, đảng viên và những người làm công tác lãnh đạo thì lời nói với việc làm lại càng quan trọng và cần thiết, vì cán bộ là gốc của mọi công việc, là những tấm gương để quần chúng noi theo. Trong đạo đức, việc nêu gương là vô cùng cần thiết, lời nói đi đôi với việc làm, nói được làm được, sẽ mang lại những hiệu quả lớn, được nhiều người hưởng ứng và làm theo. Để làm được điều đó, khi đề ra công việc tránh cách nói chung chung, đại khái và khó hiểu, cần phải cụ thể, thiết thực, từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ dễ đến khó. Người đã chỉ ra rằng nhân dân chỉ quý mến những người có phẩm chất và tư cách đạo đức tốt, vì vậy muốn hướng dẫn họ thì mình phải làm mực thước “Cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh... Phải thật thà nhúng tay vào việc” [3, tr. 699]. Mỗi người, mỗi ngành, mỗi giới, mỗi tầng lớp nhân dân đều có những công việc, nhiệm vụ, cách làm và trách nhiệm riêng.

Hiện nay, tình trạng “nói không đi đôi với làm”, “nói mà không làm”, “nói một đằng, làm một nẻo”, bệnh nói dối, làm sai, dối cấp trên, lừa cấp dưới để bớt xén vì lòng tham, bao che khuyết điểm cho nhau, hình thành phe phái đang gây bức xúc trong xã hội, làm mất niềm tin trong nhân dân. Thực hiện “nói đi đôi với làm” là phát huy truyền thống đạo đức quý báu của dân tộc, là thực hành đạo đức cách mạng. Nói đi đôi với làm để gắn bó với dân, hướng dẫn nhân dân làm theo, đặc biệt là với thế hệ trẻ. Người căn dặn: muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước, nói đi đôi với làm phải gắn với nêu cao tinh thần trách nhiệm và chống chủ nghĩa cá nhân.

Để thực hiện nguyên tắc nói đi đôi với làm, chúng ta cần lưu ý:

- Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và phải coi đây là nhiệm vụ cơ bản xuyên suốt. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải được đặt lên hàng đầu, mỗi cán bộ, đảng viên, công

chức, viên chức phải xác định cho mình một lập trường tư tưởng vững vàng, để làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hòa bình, đặc biệt trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.

- Mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng, tăng cường đối thoại giữa Bí thư cấp ủy với cán bộ, đảng viên và quần chúng; thường xuyên tổ chức tự phê bình và phê bình, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động của cơ quan, đơn vị. Đây là một nguyên tắc và là cơ sở xây dựng đức tính trung thực, thẳng thắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao nhận thức của tập thể, cá nhân là để đem lại kết quả trong học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày càng nhiều hơn, cần sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, tạo tiền đề để cấp dưới học tập, noi theo.

- Kiên quyết đấu tranh với bệnh tham ô, lười biếng, háo danh, cửa quyền, “nói một đằng, làm một nẻo” hoặc nói không đi đôi với làm; khắc phục mọi biểu hiện trung bình chủ nghĩa, cơ hội, sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, thực hiện làm đúng những gì đã nói, làm tốt những việc cần làm, đáng làm; đổi mới tác phong, lề lối làm việc, dân chủ, khoa học và phải là hạt nhân hội tụ đoàn kết trong cơ quan, đơn vị.

- Phát hiện và nhân rộng điển hình, gương người tốt, việc tốt đi đôi với đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện xuống cấp đạo đức trong gia đình, nhà trường và xã hội. Đặc biệt, vận động cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, trong tình hình hiện nay, hơn lúc nào hết, cần thể hiện sự vững vàng, yêu quê hương đất nước, phát huy truyền thống đạo đức quý báu của dân tộc, góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình để đất nước ổn định và phát triển.

### 3. Kết luận

Học tập và làm theo phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ Đảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, làm việc cần mẫn tận tâm, tận tụy với những vấn đề được giao. Trong công việc, người cán bộ phải nêu gương, phải dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp dưới của mình.

Phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho Người trở thành một nhà lãnh đạo kiệt xuất, vừa hồng vừa chuyên, vì nước vì dân một cách vẹn toàn. Người trở thành bất tử trong lòng nhân dân, đất nước và mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ học tập, noi theo và từ đó rèn luyện cho mình trong sáng hơn.

Trong giai đoạn hiện nay, học tập và làm theo

phong cách làm việc Hồ Chí Minh, mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đề cao ý thức hơn nữa trong suy nghĩ và thực hiện công việc hàng ngày, trong quan hệ với nhân dân, đồng chí, đồng nghiệp, góp phần đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực, thực hiện theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [2]. Hồ Chí Minh (1996), *Biên niên tiểu sử*, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Lê Hữu Nghĩa (1998), *Tổng kết thực tiễn xử lý điểm nóng chính trị - xã hội*.

### FOLLOWING HO CHI MINH'S WORKING STYLE

#### Summary

Ho Chi Minh established his working style at a very young age. Since his adolescence, affected deeply by Confucius, he had adopted an orderly, diligent working style. Later on, while spending hard times living and working abroad, joining the worker's movement, especially since being exposed to Marxism-Leninism, his working style grew stronger and closer to the people, more rational, democratic, intelligence-centered and scientific. Thus, following Ho Chi Minh's working style will help us work more efficiently and scientifically.

Keywords: Working style, Ho Chi Minh, following.

*Ngày nhận bài: 16/1/2018; Ngày nhận lại: 22/2/2018; Ngày duyệt đăng: 3/4/2018.*